



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Tế bào – Tổ chức học**
Medical Laboratory: **Department of Cytology and Histology**

Cơ quan chủ quản: **Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương**
Organization: **National Institute of Hematology and Blood Transfusion**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: **Hematology**

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Ngọc Dũng**
Nguyen Ngoc Dung

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 067**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Hiệu lực/ Validation: **Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031**

Địa chỉ/ Address: **Số 5, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội**
No. 5, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi

Địa điểm/ Location: **Số 5, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội**
No. 5, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi

Điện thoại/ Tel: **(04)32868035**

E-mail: **khoatebaoqlcl@gmail.com**

Website: **www.nihbt.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS****VILAS Med 067****Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học***Discipline of medical testing: Hematology*

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole Blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.20 (2026) (DxH 800)
2.		Xác định lượng Hemoglobin (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical</i>	QT.TB.21 (2026) (DxH 800)
3.		Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>	Điện trở kháng, laser <i>Electrical Impedance, Laser light scattering</i>	QT.TB.22 (2026) (DxH 800)
4.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.23 (2026) (DxH 800)
5.		Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.24 (2026) (DxH 900)
6.		Xác định lượng Hemoglobin (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical</i>	QT.TB.25 (2026) (DxH 900)
7.		Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>	Điện trở kháng, laser <i>Electrical Impedance, Laser light scattering</i>	QT.TB.27 (2026) (DxH 900)
8.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.26 (2026) (DxH 900)

Ghi chú/ Note:QT.TB.: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory Developed Method*

Trường hợp Khoa tế bào – tổ chức học cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Cytology and histology that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*